

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bến khách ngang sông Vũ Điện
thuộc hợp phần B - Dự án WB6, tỉnh Hà Nam**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật số 38/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản đã được thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 ; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2009 quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009; Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 883/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 04 năm 2008 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt đầu tư Phát triển giao thông khu vực đồng bằng Bắc Bộ sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế Giới (dự án WB6); văn bản số 8231/BGTVT-CQLXD ngày 06 tháng 12 năm 2011; văn bản số 6149/BGTVT-KHĐT ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc chấp quy trình thực hiện hợp phần B- Các bến khách ngang sông - Dự án WB6 và chủ trương bổ sung đầu tư bến khách ngang sông Vũ Điện, tỉnh Hà Nam bằng nguồn vốn dự hợp phần B - Dự án WB6; Quyết định số 30/QĐ-CDTND ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Cục đường thủy nội địa Việt Nam về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế mẫu Bến khách ngang sông và dự toán hạng mục: Thiết kế mẫu bến khách ngang sông - Dự án WB6;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải (tại Tờ trình số 2024/TTr-GTVT ngày 14 tháng 8 năm 2014); của Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Tờ trình số 767/TTr-



SKHĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014) về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bến khách ngang sông Vũ Điện thuộc hợp phần B-dự án WB6, tỉnh Hà Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bến khách ngang sông Vũ Điện thuộc hợp phần B-dự án WB6, tỉnh Hà Nam, với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng bến khách ngang sông Vũ Điện thuộc hợp phần B-dự án WB6, tỉnh Hà Nam.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Hà Nam.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế đường bộ.

4. Chủ nhiệm lập dự án: Kỹ sư Lê Hữu Sáng.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Xây dựng bến mới thay thế bến cũ nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân thuộc hai tỉnh Hà Nam và Hưng Yên.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng: Bến khách được thiết kế theo tiêu chuẩn bến loại 2; phù hợp với tiêu chuẩn của Hồ sơ thiết kế mẫu đã được duyệt và thực tế điều kiện địa hình, phương tiện hiện có của bến khách nêu trên.

6.1- Giải pháp thiết kế:

a) *Bình đồ:* Trên cơ sở hướng tuyến của bến phà cũ, kéo dài bến về phía thượng nguồn, lưỡi bến vuông góc với dòng chảy; chiều dài toàn bến là 77,26m (gồm đường xuống bến là 51,26m; chiều dài bến là 26,0m.

b) *Trắc dọc:* Cao độ đỉnh bến cập cao hơn mực nước cao nhất là 0,5m; Cao độ đáy bến cập thấp hơn mực nước thấp nhất tối thiểu 0,2m; độ dốc dọc đường xuống bến tối đa 8%; độ dốc mặt bến 12%;

c) *Trắc ngang:* Quy mô bến khách loại 2 . Trong đó:

- Bề rộng bến: 7,0m; lề gia cố: $2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$.

- Bề rộng mặt đường dẫn: 3,5m; lề gia cố: $2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$.

- Độ dốc mặt đường: $I_{\text{mặt}} = 2\%$; độ dốc mặt bến: $I_{\text{bến}} = 0\%$.

d) *Nền đường xuống bến và bến:* Trước khi đắp, đào hữu cơ dày 30cm; đánh cấp đối với các vị trí có độ dốc ngang $> 20\%$. đắp nền đường bằng đá thải chọn lọc đảm chặt $K > 0,95$ với độ dốc 1/1. Tại những vị trí đắp cao rải lớp vải địa kỹ thuật gia cố loại 200KN/m², gia cố taluy bằng đá hộc xây vữa xi măng mác 75; móng chân khay mái taluy gia cố bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25cọc/1m²; phạm vi mái đê gia cố bằng đá hộc xây vữa xi măng mác 75 đảm bảo ổn định nền đường đê.

e) *Kết cấu mặt đường xuống bến và bến:*

- Kết cấu mặt đường BTXM cho cả mặt bến và đường dẫn xuống bến bao gồm các lớp: Tầm BTXM M300 dày 20cm; rải lớp nilông chống mất nước. lớp cát vàng tạo phẳng dày 3cm; lớp cấp phối đá dăm loại II dày 15cm.

- Dọc theo mặt bến bố trí các vòng neo thép để neo đậu phương tiện.
- Dọc theo phía phải đường xuống bến bố trí gờ chắn bánh 100×30×50cm với khoảng cách giữa các cục gờ chắn bánh là 2m.

f) *Kết cấu bảo vệ đầu bến:* Sử dụng cọc BTCT, gồm 7 cọc BTCT 30x30cm dài 12,5m có liên kết bằng tấm bản BTCT 200x120x15cm.

6.2. Công trình phụ trợ:

a) *Nhà chờ cho bến khách:* Nhà chờ thiết kế mới tại vị trí kẹp giữa đường đê và đường xuống bến, với kích thước mặt bằng 6,0mx4,0m = 24m², cao 2,8m kết cấu nhà khung thép cột thép ống phía trước D88x4; cột phía sau D127x2,5; vì kèo thép được tổ hợp bằng thép ống liên kết hàn, xà gồ thép hình hộp 40x60x29; mái lợp tôn lượn sóng vuông mạ màu, bố trí 02 ghế ngồi chờ bằng BTCT kích thước 200x40cm.

b) *An toàn giao thông:* Bố trí biển báo và phao báo hiệu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa: QCVN39:2011/BGTVT.

6.3- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng:

- Đường ô tô – tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 4054-2005.
- Tiêu chuẩn thiết kế đường (phần nút giao): 22 TCN 273-01.
- Quy trình thiết kế bến phà cầu phao đường bộ: 22 TCN 86-86.
- Công trình bên cảng sông – Tiêu chuẩn thiết kế: 22 TCN 219 – 94.
- Tải trọng và tác động do sóng, do tàu lên công trình thủy công – Tiêu chuẩn thiết kế: 22 TCN 222 – 94.
- Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa: 22 TCN 269 – 2000.
- Quy trình KSTK nền đường ô tô đắp trên đất yếu: 22 TCN 262-2000.
- Quy trình thiết kế áo đường cứng: 22 TCN 223-95.
- Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ: 22 TCN 220-95.
- Quy trình đánh giá TĐMT khi lập DA NCKT&TK: 22 TCN 242-98.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao: QCVN11: 2008/BTNMT.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

8. Diện tích sử dụng đất: Sử dụng đất phạm vi ngoài đê sông Hồng không chiếm dụng đất mới, không GPMB.

9. Loại, cấp công trình: Bến khách loại 2.

10. Tổng mức đầu tư:	2.426,1 triệu đồng.
- Chi phí xây dựng:	1.889,3 triệu đồng.
- Chi phí Quản lý dự án:	38,8 triệu đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư:	207,4 triệu đồng.
- Chi phí khác	70,1 triệu đồng.
- Chi phí dự phòng	220,5 triệu đồng.



11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay của Ngân hàng thế giới (WB) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam.

12. Tổ chức thực hiện:

- Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2014.
- Các bước thiết kế: Thiết kế 2 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế BVTC).

13. Kế hoạch đấu thầu:

1. Phần công việc đã thực hiện: Có giá trị là 55,3 triệu đồng; bao gồm: Chi phí khảo sát lập dự án đầu tư.

2. Phần công việc không áp dụng hình thức lựa chọn Nhà thầu: Giá trị là 65,4 triệu đồng; bao gồm: Chi phí quản lý dự án, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán, chi phí lựa chọn nhà thầu, chi phí khác, dự phòng.

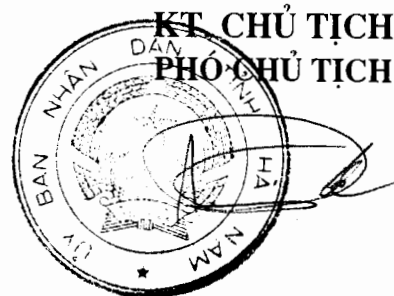
3. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn Nhà thầu: 2.305,4 triệu đồng;
Biểu kế hoạch đấu thầu

TT	Tên gói thầu	Giá trị gói thầu (triệu đồng)	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn
1	Gói thầu số 1: tư vấn khảo sát, lập TKBVTC và thi công xây dựng bến (bao gồm cả dự phòng) và đảm bảo Giao thông	2.227,13	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Tháng 9/2014	Theo đơn giá cố định	03 tháng	Vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) và vốn đối ứng của CP Việt Nam
2	Gói thầu số 2: Tư vấn giám sát thi công xây dựng bến (bao gồm cả dự phòng)	53,24	Tuyển chọn dựa trên năng lực của tư vấn	Một giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Tháng 9/2014	Trọn gói	Theo tiến độ thi công	
3	Gói thầu số 3: Bảo hiểm rủi ro công trình	7,93	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Tháng 9/2014	Trọn gói	15 tháng	
4	Gói thầu số 4: Kiểm toán	17,10	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Tháng 01/2015	Trọn gói	01 tháng	

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Như điều 2;
 - Lưu VT, GT.
- B/2014/QĐ23



Nguyễn Xuân Đông